UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1400/QĐ-UBND	*Cao Bằng, ngày 17 tháng 9 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt nhiệm vụ Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung đô thị huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng đến năm 2020 tầm nhìn 2030

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Biên giới Quốc gia ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm trong đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư 01/2011/TT-BXD ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án Quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2013/TT-BXD ngày 08 tháng 2 năm 2013 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 04 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành "Quy chuẩn Quốc gia về Quy hoạch xây dựng";

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Tỉnh ủy Cao Bằng Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) Về xây dựng phát triển huyện Phục Hòa giai đoạn 2013 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 2463/QĐ-XD-UB ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng huyện lỵ Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2002 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2012 - 2030, tỷ lệ 1/2000;

Xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2014 của Uỷ ban nhân dân huyện Phục Hòa về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung đô thị huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng đến năm 2020 tầm nhìn 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 905/BCTĐ-SXD ngày 05 tháng 9 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung đô thị huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng đến năm 2020 tầm nhìn 2030, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung đô thị huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng đến năm 2020 tầm nhìn 2030.

2. Mục tiêu:

Quy hoạch chung đô thị huyện Phục Hòa nhằm thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Tỉnh ủy Cao Bằng; hình thành khung pháp lý, nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút các nguồn lực trong xã hội, tạo tiền đề hình thành và phát triển đô thị huyện Phục Hòa đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV trực thuộc tỉnh và thành lập thị xã vào năm 2020.

3. Tính chất, chức năng đô thị:

3.1. Tính chất:

- Là đô thị cửa khẩu giao thương quốc tế, có vị trí trọng yếu về an ninh quốc phòng, trung tâm kinh tế, văn hóa, hành chính, khoa học - kỹ thuật, giáo dục - đào tạo, thương mại, du lịch, đầu mối giao thông, dịch vụ hậu cần vận tải, với vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực các huyện miền Đông toàn tỉnh.

- Là đô thị xanh, hướng tới phát triển bền vững, lấy yếu tố cảnh quan tự nhiên, môi trường và văn hóa bản địa làm chủ đạo, kết hợp các giải pháp tổ chức

không gian hiện đại, sự gắn kết hài hòa với khu vực nông thôn nông nghiệp tạo nên sự khác biệt, hấp dẫn về phong cách thẩm thẩm mỹ đô thị.

3.2. Chức năng đô thị:

- Các chức năng cơ bản gồm: Thương mại; dịch vụ cộng đồng; dịch vụ công cộng; khu ở (khu ở hỗn hợp, khu ở chuyên đề kết hợp du lịch, khu ở 1 gia đình, khu ở nhiều gia đình); khu vực hỗn hợp; cây xanh, thể dục thể thao, không gian mở, quảng trường; giao thông đô thị; giao thông nông thôn, nông nghiệp; tiểu thủ công nghiệp; dịch vụ du lịch, giải trí; khu vực canh tác nông nghiệp phục vụ đô thị, nông nghiệp hàng hóa; lâm nghiệp trồng rừng cảnh quan; dịch vụ nông nghiệp;

- Các chức năng đặc trưng và dự án tạo lực: Khu kinh tế, đô thị cửa khẩu; dịch vụ hậu cần vận tải, công nghiệp bảo quản hàng hóa, chế biến nông, lâm, thổ sản; trung tâm du lịch quá cảnh, bảo đảm an ninh quốc phòng.

4. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

Ranh giới lập quy hoạch: Khoảng 14.205 ha, gồm 5 đơn vị hành chính: Thị trấn Hòa Thuận (2.203 ha), thị trấn Tà Lùng (785 ha), toàn bộ các xã: Mỹ Hưng (4.003 ha), Cách Linh (3.412 ha) và Đại Sơn (3.802 ha).

Các phía tiếp giáp:

- Phía Đông giáp: Biên giới Việt Nam – Trung Quốc.
- Phía Tây giáp: Xã Tiên Thành, Lương Thiện huyện Phục Hòa.
- Phía Nam giáp: Huyện Thạch An.
- Phía Bắc giáp: Xã Hồng Đại, Triệu Ẩu huyện Phục Hòa.

5. Quy mô đất đai: Khoảng 14.205 ha.

6. Quy mô dân số:

- Dự kiến đến năm 2020: Dân cư trong vùng khoảng 25.000 người; Dân cư đô thị khoảng 10.000 - 17.500 người. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 40 - 70%;

- Dự kiến đến năm 2030: Dân cư trong vùng khoảng 50.000 người; Dân cư đô thị khoảng 20.000 - 35.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 40 - 70%.

7. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

Áp dụng tiêu chuẩn quy phạm trên cơ sở tiêu chí cho đô thị loại IV, hướng tới đô thị loại III. Các chỉ tiêu chính về đất xây dựng và hạ tầng kỹ thuật được xác định cho từng khu chức năng của đô thị đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn quy hoạch hiện hành.

8. Yêu cầu về điều tra khảo sát hiện trạng, thu thập tài liệu:

- Thực hiện trên các nội dung: Điều kiện tự nhiên, thực trạng đất xây dựng, dân cư, xã hội, kiến trúc, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật; các quy định của quy hoạch chung có liên quan đến khu vực quy hoạch.

- Đánh giá quá trình thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt.

9. Những nội dung nghiên cứu quy hoạch:

9.1. Phân tích đánh giá hiện trạng khu vực lập quy hoạch:

- Thu thập số liệu, phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, thực trạng đất xây dựng, kiến trúc cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật hiện trạng; các quy định của quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt trong phạm vi khu vực nghiên cứu lập quy hoạch.

- Nhận xét, đánh giá tổng hợp hiện trạng, nêu các kiến nghị đề xuất.

9.2. Cơ cấu tổ chức quy hoạch:

- Lập các phương án cơ cấu so sánh (đề xuất từ hai phương án trở lên).

- Nêu các luận cứ để xác định phương án tối ưu.

- Nêu rõ ý đồ về cơ cấu, tổ chức của phương án được chọn lựa trên các mặt: Nguyên tắc tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và phân khu chức năng, mối liên hệ về kiến trúc cảnh quan, kinh tế xã hội giữa khu vực nghiên cứu lập quy hoạch và các khu vực khác ngoài phạm vi lập quy hoạch.

9.3. Quy hoạch tổ chức không gian:

- Xác định các vùng kiến trúc cảnh quan trong đô thị, đề xuất tổ chức không gian cho các khu trung tâm, cửa ngõ đô thị, vùng giáp ranh, các tuyến phố chính, các trục không gian chính, quảng trường lớn, vị trí tượng đài, không gian cây xanh mặt nước và các điểm nhấn trong đô thị.

- Yêu cầu xác định hướng phát triển không gian trên cơ sở cấu trúc phát triển đô thị lựa chọn (làm rõ hệ khung giao thông chính đô thị trên mặt đất và ngầm và các liên kết với các khu vực khác).

- Xác định quy định kiểm soát các vùng kiến trúc cảnh quan và xác định các khu vực đặc trưng cần kiểm soát; Đưa ra vị trí, quy mô các khu vực đặc trưng cần kiểm soát.

- Xác định các nội dung cần thực hiện để kiểm soát phát triển; Bao gồm: Khu vực hiện có hạn chế phát triển; khu vực chỉnh trang, cải tạo, khu cần bảo tồn, tôn tạo; khu vực chuyển đổi chức năng, khu phát triển mới, khu cấm xây dựng, khu dự trữ phát triển; khu vực dọc trục và hành lang phát triển đô thị; khu vực trung tâm hành chính; khu đô thị mới và khu đô thị cũ cần cải tạo; khu công viên, cây xanh; khu chức năng đặc biệt (khu di tích lịch sử văn hóa, khu phố cũ, lâm viên, cảnh quan tự nhiên đặc thù); khu dân cư ngoại thị; khu danh lam thắng cảnh; khu đặc thù (đất trũng, bãi bồi, đất nông nghiệp, lâm nghiệp, đất hoang hóa, đất chứa khoáng sản, công trình ngầm, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật - khu công nghiệp, kho tàng); các khu vực khác.

- Xác định các vùng kiến trúc, cảnh quan, các trục không gian chính, quảng trường, cửa ngõ đô thị, điểm nhấn đô thị; đề xuất tổ chức không gian, kiến trúc cho các khu vực trên.

- Khái toán kinh phí xây dựng.

9.4. Quy hoạch sử dụng đất:

- Xác định ranh giới các khu vực trong phạm vi lập quy hoạch theo tính chất và chức năng sử dụng đất.

- Xác định chức năng, chỉ tiêu sử dụng đất: Diện tích lô đất, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, chiều cao xây dựng, chỉ giới xây dựng công trình; xác định quy mô và chỉ tiêu sử dụng đất của các công trình ngầm.

- Xác định ranh giới, quy mô diện tích các khu chức năng; quy định về mật độ dân cư; chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị: Mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, chiều cao xây dựng tối đa và tối thiểu của công trình; nguyên tắc phát triển, yêu cầu hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với từng khu vực và khu có chức năng sử dụng đất khác nhau.

9.5. Thiết kế đô thị:

- Nghiên cứu đề xuất mô hình phát triển đô thị, giới hạn không gian phát triển đô thị; Lựa chọn dạng thức, hình thể chủ đạo cho từng đô thị trong hệ thống; Xác định vị thế, địa điểm hạt nhân tạo thị cho từng mô thức kèm theo động lực phát triển; Các nguyên lý tổ chức không gian cho từng dạng thức đô thị.

- Xác định phạm vi, quy mô các khu chức năng của đô thị: Khu hiện có hạn chế phát triển, khu chỉnh trang, cải tạo, khu cần bảo tồn, tôn tạo; các khu chuyển đổi chức năng; khu phát triển mới; khu cấm xây dựng, các khu dự trữ phát triển; các khu vực dự kiến xây dựng công trình ngầm.

- Xác định chỉ tiêu về mật độ dân cư, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, định hướng và nguyên tắc phát triển đối với từng khu chức năng.

- Xác định các vùng kiến trúc, cảnh quan, các trục không gian chính, quảng trường, cửa ngõ đô thị, điểm nhấn đô thị; đề xuất tổ chức không gian, kiến trúc cho các khu vực nêu trên.

- Tổ chức hệ thống trung tâm hành chính, trung tâm thương mại, dịch vụ, trung tâm công cộng, thể dục thể thao, công viên, cây xanh và không gian mở; trung tâm chuyên ngành cấp đô thị.

- Thiết kế minh hoạ kiến trúc cảnh quan đô thị điển hình.

9.6. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông:

- Xác định mạng lưới và các công trình giao thông đối ngoại; mạng lưới giao thông nội thị; chi tiết mặt cắt ngang các loại đường chính đô thị; quy hoạch chỉ giới đường đỏ các trục giao thông chính;

- Xác định tọa độ mốc thiết kế theo tim đường tại các nút giao nhau của các tuyến đường chính đô thị quy hoạch xây dựng mới trên cơ sở lưới tọa độ của bản đồ đo đạc địa hình sử dụng lập quy hoạch;

- Xác định chỉ giới đường đỏ các tuyến đường chính cấp đô thị;

- Xác định khối lượng đầu tư, khái toán kinh phí thực hiện.

b) Chuẩn bị kỹ thuật

- Xác định cao độ san nền: Đảm bảo khớp nối cao độ với hệ thống và hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại các khu vực có liên quan, đáp ứng yêu cầu xây dựng công trình và xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại khu vực lập quy hoạch;

- Xác định khối lượng đào đắp, phân khu các khu vực đào, khu vực đắp;

- Xác định lưu vực và hướng thoát nước; hệ thống sông, kênh, hồ chứa, đê, kè, giải pháp thoát nước mưa, thiết kế mạng lưới thoát nước mưa, các thông số kỹ thuật về thoát nước mưa;

- Xác định khối lượng đầu tư, khái toán kinh phí.

c) Cấp nước

- Xác định các nguồn cấp nước: Nước dưới đất, nước mặt, lưu lượng dòng chảy nước mặt max - min, cấp khai thác nước ngầm;

- Xác định phân vùng cấp nước; vị trí và quy mô các công trình thu, các công trình xử lý nước, công trình điều hòa, tăng áp;

- Mạng lưới đường ống truyền dẫn chính từ cấp 2 trở lên; các tuyến chuyển tải nước thô; sơ đồ tính toán thủy lực mạng lưới đường ống cấp nước;

- Xác định phạm vi bảo vệ nguồn nước và các công trình cấp nước;

- Xác định khối lượng đầu tư, khái toán kinh phí.

d) Cấp điện:

- Xác định vị trí, công suất điện áp nguồn điện, mạng lưới cung cấp và phân phối điện từ trung áp trở lên, các trạm lưới;

- Xác định nhu cầu sử dụng điện và phụ tải của từng loại hình chức năng trong khu vực lập quy hoạch;

- Mạng lưới cấp điện: Trạm điện, trạm phân phối, các tuyến đường dây cấp điện, bố trí hệ thống chiếu sáng;

- Xác định khối lượng đầu tư, khái toán kinh phí.

đ) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Xác định chỉ tiêu, khối lượng nước thải và chất thải rắn.

- Xác định nguồn tiếp nhận nước thải, kênh tiêu thoát nước chính của đô thị; phân lưu vực thoát nước; mạng lưới thoát nước từ cấp 2 trở lên;

- Xác định vị trí, qui mô (trạm bơm và trạm xử lý nước thải, hồ điều hoà lớn; các cơ sở xử lý chất thải và các công trình phụ trợ, các trạm trung chuyển chất thải rắn);

- Xác định vị trí, quy mô, ranh giới nghĩa trang, nhà tang lễ;

- Xác định khối lượng đầu tư, khái toán kinh phí.

e) Thông tin liên lạc:

Dự báo nhu cầu sử dụng dịch vụ, đề xuất phương án công nghệ, lựa chọn xây dựng mạng truyền thông, quy hoạch mạng lưới;

- Xác định khối lượng đầu tư, khái toán kinh phí.

f) Tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật:

- Bố trí, sắp xếp, vị trí các tuyến hào, tuynel kỹ thuật, đường dây, đường ống và các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật trên mặt bằng, đặc biệt trên các đường phố chính quy hoạch xây dựng mới;

- Xác định kích thước và khoảng cách giữa các tuyến với các công trình khác trong giới hạn chỉ giới đường đỏ trên mặt cắt ngang đường;

- Tại các nút giao nhau phức tạp cần thể hiện sơ đồ để xác định độ sâu và khoảng cách đứng giữa các tuyến đường dây, đường ống kỹ thuật.

9.7. Đánh giá môi trường chiến lược:

Đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch đô thị và đề xuất các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong đồ án quy hoạch theo Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27 tháng 1 năm 2011 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

9.8. Cắm mốc đường đỏ:

+ Lập hồ sơ cắm mốc và chỉ giới đường đỏ và biện pháp tổ chức thực hiện và các mốc tọa độ cần thiết theo Thông tư số 15/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng Quy định về cắm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị;

+ Nội dung và biện pháp thực hiện qua từng giai đoạn về chỉ giới đường đỏ và các mốc tọa độ cần thiết.

10. Thành phần hồ sơ:

Gồm có: Thuyến minh tổng hợp; bản vẽ đúng tỷ lệ quy định; quy định quản lý theo đồ án quy hoạch; dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch. Các nội dung này thực hiện theo đúng theo qui định tại Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng Quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị.

11. Kinh phí thực hiện:

- Tổng kinh phí thực hiện quy hoạch dự kiến: 5.993.000.000 đồng

- Giá trị kinh phí lập quy hoạch chỉ là giá trị tạm tính làm cơ sở để triển khai các bước tiếp theo. Dự toán kinh phí chi tiết sẽ được cơ quan thẩm định xem xét trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở kết quả thẩm tra của đơn vị tư vấn đủ điều kiện, năng lực.

- Khi thanh quyết toán, chủ đầu tư phải căn cứ theo khối lượng thực hiện thực tế, cấp địa hình để nghiệm thu thanh toán; ngoài ra, đối với hồ sơ khảo sát địa hình còn phải thực hiện theo đúng Thông tư số 05/2011/TT-BXD ngày 09 tháng 6

năm 2011 của Bộ Xây dựng quy định việc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công tác khảo sát lập bản đồ địa hình phục vụ quy hoạch và thiết kế xây dựng.

12. Phân công trách nhiệm và thời gian thực hiện:

- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Phục Hòa.

- Đơn vị lập quy hoạch: Theo quy định hiện hành.

- Thời gian thực hiện: **09 tháng** kể từ ngày Nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt. Quá thời hạn trên, nếu quy hoạch chưa được phê duyệt thì Quyết định này không còn hiệu lực thi hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Phục Hòa và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoàng Anh